

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 31-01-2023
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến;

Ông Lê Hoàng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Trủi – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 273/2022/QĐ-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng);

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Bửu L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà L1 có tham gia hội do vợ chồng ông Ch, bà L có làm chủ, hội khai theo hình thức bốc thăm có lãi, cụ thể:

- Hội 1.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2020 âm lịch, có 44 chung, tháng khai 02 lần, bà L1 tham gia 02 chung (01 chết, 01 sống). Bà L1 đã đóng được 31 kỳ hội ở chung hội sống với số tiền 31.000.000 đồng, đối trừ 12.000.000 đồng đến khi mãn hội ở chung hội chết, còn lại 19.000.000 đồng.

- Hội 500.000 đồng, mở ngày 15/4/2020 âm lịch, có 54 chung, tháng khai 02 lần, bà L1 tham gia 03 chung, đóng được 27 kỳ hội sống với số tiền 40.500.000 đồng.

Ngày 30/5/2021, vợ chồng ông Ch đình hội không lý do, các bên đối trừ nợ thì thống nhất vợ chồng ông Ch còn nợ bà L1 số tiền 57.500.000 đồng. Do vợ chồng ông Ch, bà L không có thiện chí trả lại tiền hội, bà L1 khởi kiện, khi đến Tòa án đôi bên thỏa thuận là ông bà sang vuông sẽ trả 70% số nợ, còn lại 03 tháng sau trả đủ. Nhưng sau đó không thực hiện, chỉ thanh toán được 10.000.000 đồng còn nợ lại 47.500.000 đồng.

Nay bà L1 yêu cầu ông Ch và bà L thanh toán số tiền hội còn nợ là 47.500.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Bửu L: Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà ông Ch và bà L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng đương sự vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 47.500.000 đồng; Án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận.

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Bửu L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà Nguyễn Thị L1 khởi kiện ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Bửu L yêu cầu thanh toán tiền hui. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp tiền hui”.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bà L1 cho rằng vợ chồng ông Ch và bà L không hoàn trả tiền hui mà bà đóng vào do vợ chồng ông Ch và bà L làm chủ, việc không hoàn trả tiền hui làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà L1, bà L1 khởi kiện nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà L1.

Theo trình bày của bà L1, vợ chồng ông Ch và bà L đình hui không rõ lý do, sau đó đối chiếu chốt nợ lại thì còn nợ bà 57.500.000 đồng. Do không thanh toán nên bà đã khởi kiện, tại Tòa án vợ chồng ông Ch và bà L hứa sẽ thanh toán và đôi bên lập biên bản thỏa thuận nên bà đã rút đơn kiện. Sau khi rút đơn kiện bị đơn trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 47.500.000 đồng không trả tiếp, nên bà L1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ch tiếp tục hoàn trả số tiền còn nợ. Thấy rằng:

- Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Bửu L, hết thời hạn pháp luật quy định phía bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Tại tờ thỏa thuận ngày ngày 06 tháng 4 năm 2022 do đôi bên ký tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, phía bị đơn thừa nhận có nợ hui bà L1 57.500.000 đồng và hứa sang đất vuông sẽ thanh toán cho bà L1 70%, còn lại sau ba tháng sẽ thanh toán (bút lục số 35).

Từ những phân tích trên, có cơ sở khẳng định, vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Bửu L còn nợ tiền hui bà L1, nên buộc ông bà có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền hui cho bà L1 47.500.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Bà L1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày bà L1 có đơn yêu cầu thi hành án, ông Ch và bà L chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành tháng ông bà còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên tổng số tiền chậm thi hành án.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án án là 47.500.000 đồng x 5% = 2.375.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L1 không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 1.188.000 đồng được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biên, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1 về việc khởi kiện đòi tiền hui vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch. Buộc ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Bửu L liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị L1 47.500.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà L1 có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp ông Ch, bà L chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành tháng ông Ch, bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Bửu L phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với phần yêu cầu của bà L1 được chấp nhận với số tiền án phí là 2.375.000 đồng

Bà Nguyễn Thị L1 không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 1.188.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0015764 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính